TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **940**/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1210/2026/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1990; CCCD số 042190009726 do Cục C về TTXH cấp ngày 18/7/2022; Địa chỉ: Tổ G, khu phố L, phường T, thành phố Đ.

2. Ông Lưu Cẩm N, sinh năm 1994; CCCD số 075094025290 do Cục C về TTXH cấp ngày 29/7/2022; Địa chỉ: Thôn H, Q, Đ, Đắk Nông (nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Lưu Cẩm N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2014 quyển số 01/2013 ngày 04/8/2014.

Nay bà Võ Thị L và ông Lưu Cẩm N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 02 người con chung là cháu Lưu Võ Thiên P, sinh ngày 28/11/2013 và cháu Lưu Võ Thiên D, sinh ngày 01/10/2020. Ly hôn, bà L, ông N thống nhất giao các con chung cho bà Võ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông Lưu Cẩm N cấp dưỡng nuôi con

chung 10.000.000đ/tháng/02 cháu (mỗi cháu 5.000.000đ/tháng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà L, Ông N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Lưu Cẩm N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Lưu Võ Thiên P, sinh ngày 28/11/2013 và cháu Lưu Võ Thiên D, sinh ngày 01/10/2020 cho bà Võ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông Lưu Cẩm N cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ/tháng/02 cháu (mỗi cháu 5.000.000đ/tháng) kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lưu Cẩm N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị L và ông Lưu Cẩm N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010991 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà Võ Thị L, ông Lưu Cẩm N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- THADS TP. Đồng Nai (1)
- TAND TP. Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt